

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOAN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: CP Công trình Viettel;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội;

Điện thoại: (04)62751782; Fax: (04)62751783;

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Văn Thúc

Địa chỉ: Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội;

Điện thoại: (04)62661225;

Loại thông tin công bố: định kỳ;

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2012;

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 17 tháng 4 năm 2013

**Người thực hiện công bố thông tin**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

*Trung tá. Nguyễn Văn Thúc*

## Phụ lục số II

### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL Năm báo cáo 2012

#### I. Thông tin chung

##### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Công trình Viettel
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0104753865
- Vốn điều lệ: 238.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 238.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 1 - Giang Văn Minh - Ba Đình - Hà Nội
- Số điện thoại: 04 6275 1783
- Số fax: 04 6275 1783
- Website: congtrinhviettel.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có):

##### 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Việc thành lập: Công ty Cổ phần Công trình Viettel được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 09 tháng 06 năm 2010 và cấp đăng ký thay đổi lần 01 ngày 11 tháng 11 năm 2010 tại Phòng Đăng ký kinh doanh số 01 – Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

- Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Công ty CP Công trình Viettel được chuyển đổi (cổ phần hoá) từ Công ty TNHH Nhà nước một Thành viên Công trình Viettel (MSDN: 0100109106-071, do Sở KHĐT TP Hà Nội cấp ngày 25/01/2006) theo Quyết định số 135/QĐ-BQP ngày 15/01/2010 của Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

- Niêm yết: Công ty CP Công trình Viettel chưa thực hiện việc niêm yết trên thị trường chứng khoán;

##### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

STT	Ngành nghề kinh doanh
1	Sản xuất sản phẩm chịu lửa
2	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
3	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
4	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
5	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu
6	Đúc sắt thép

7	Sản xuất các cấu kiện kim loại
8	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
9	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
10	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính
11	Sản xuất thiết bị truyền thông
12	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học
13	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác
14	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại
15	Sửa chữa thiết bị điện
16	Xây dựng nhà các loại
17	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
18	Xây dựng công trình công ích
19	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
20	Phá dỡ
21	Chuẩn bị mặt bằng
22	Lắp đặt hệ thống điện
23	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
24	Hoàn thiện công trình xây dựng
25	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
26	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
27	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
28	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
29	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
30	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
31	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
32	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

47  
 00.00  
 00.00  
 00.00

33	Hoạt động viễn thông có dây
34	Hoạt động viễn thông không dây
35	Hoạt động viễn thông khác
36	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
37	Kinh doanh bất động sản
38	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
39	Sửa chữa thiết bị liên lạc
40	Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông;
41	Khai thác và thu gom than cứng;
42	Khai thác và thu gom than non;
43	Khai thác quặng sắt;
44	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
45	Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
46	Khai thác cát đá sỏi, đất sét;
47	Khai thác khoáng hoá chất và phân bón;
48	Khai thác và thu gom than bùn;
49	Khai thác muối;
50	Hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
51	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
52	Sản xuất sắt, thép, gang;
53	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
54	Đúc kim loại màu;
55	Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương;
56	Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
57	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
58	Bốc xếp hàng hoá;

30  
144

59	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hàng không);
60	Kiểm tra, kiểm soát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông;

- Địa bàn kinh doanh: Việt Nam, Haiti, Peru

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:

+ Đại hội cổ đông: gồm có tổng số 1732 cổ đông

Trong đó:

➤ Cổ đông tổ chức có 4 cổ đông, cổ đông cá nhân 1728 cổ đông;

➤ 01 cổ đông lớn chiếm 72,06% vốn điều lệ, 1731 cổ đông nhỏ chiếm 27,94% vốn điều lệ

+ Hội đồng quản trị: gồm 05 thành viên, 03/05 thành viên HĐQT cũng nằm trong Ban giám đốc Công ty

+ Ban Kiểm soát: gồm 03 thành viên

+ Ban Giám đốc: gồm 04 thành viên, 03/04 thành viên BGD cũng là thành viên HĐQT

+ Các phòng, ban chức năng, 04 Xí nghiệp, 02 Công ty con

- Các công ty con:

➤ Viettel Construction Haiti S.A: hoạt động trong lĩnh vực xây lắp các công trình viễn thông tại Haiti.

Vốn Công ty CP Công trình Viettel góp: 2.430 USD (Hai ngàn bốn trăm ba mươi đô la Mỹ) chiếm 98% tổng vốn điều lệ Viettel Construction Haiti S.A (tổng vốn điều lệ Viettel Construction Haiti S.A là 2.480 USD.

➤ Viettel Construction Peru: hoạt động trong lĩnh vực xây lắp các công trình viễn thông tại Peru

Vốn Công ty CP Công trình Viettel góp: 9.990 USD (Chín ngàn chín trăm chín mươi đô la Mỹ) chiếm 99% tổng vốn điều lệ Viettel Construction Peru (tổng vốn điều lệ Viettel Construction Peru là 10.000 USD.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Tiếp tục xây dựng Công ty theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả;

+ Tiếp tục xây dựng bộ máy đảm bảo thi công xây lắp, nâng cấp, củng cố, di chuyển, bảo dưỡng hạ tầng viễn thông trong nước, xây lắp các công trình ngầm hóa, công trình nhà cấp huyện, công trình truyền hình của Tập đoàn. Cụ thể là phần đầu chiếm từ 80% trở lên các hạng mục đầu tư xây dựng mới các trạm BTS. Các hạng mục bảo dưỡng củng cố chiếm 70% đến 90% và trồng cột, thi công ngầm hóa, kéo cáp chiếm 30% đến 50%. Hoàn thành 100% các chỉ tiêu SXKD năm 2013, trong đó kế hoạch doanh thu đạt 1036,9 tỉ, mục tiêu doanh thu đạt 1100 tỉ;

+ Chuẩn bị lực lượng sẵn sàng triển khai thi công hạ tầng viễn thông tại nước ngoài;

T. P. T. H. H. E. L. S. G.

+ Đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu các công trình bên ngoài thuộc các ngành nghề truyền thống, đối tác truyền thống, phân đấu tăng doanh thu bên ngoài Tập đoàn chiếm 10% tổng doanh thu.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

+ Không thực hiện các hoạt động gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và cộng đồng;

+ Tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện để góp phần đưa hình ảnh thân thiện của Công ty đến với mọi người.

#### 6. Các rủi ro:

Năm 2013, được dự báo là một năm gặp nhiều khó khăn đối với nền kinh tế do tiếp tục chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Chính phủ tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng, minh bạch hóa đầu tư công. Thị trường xây lắp bị thu hẹp vì thị trường bất động sản đóng băng, do đó mức độ cạnh tranh càng khốc liệt. Thị trường xây lắp viễn thông trong nước dần bão hòa.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.025.296.788.719
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.025.296.788.719
Giá vốn hàng bán	1.010.642.841.254
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.653.947.465
Doanh thu hoạt động tài chính	38.791.368.771
Chi phí tài chính	6.947.383.715
Chi phí bán hàng	208.308.200
Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.090.518.785
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.199.105.536
Thu nhập khác	32.202.327.220
Chi phí khác	824.744.887
Lợi nhuận khác	31.377.582.333
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.576.687.869
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	32.886.505.037

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: mặc dù gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã nắm bắt tốt các cơ hội kinh doanh, đưa ra các quyết sách đúng đắn, kịp thời, điều hành sát thực tế, quyết liệt nên đã hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2012.

+ Tổng doanh thu năm 2012 đạt 1064,0 tỉ bằng 108,0% kế hoạch năm trong đó doanh thu bên ngoài đạt 33,7 tỉ, hoàn thành 81,7% kế hoạch (KH là 41,3 tỉ) chiếm tỉ trọng 3,17% tổng doanh thu năm 2012, tăng 32% so với năm 2011 (doanh thu bên ngoài năm 2011 là 25,5 tỉ, chỉ chiếm 1,8% tổng doanh thu năm 2011). Doanh thu nội bộ đạt 992,1 tỉ, hoàn thành 105,1% kế hoạch, chiếm tỉ trọng 93,2% tổng doanh thu năm 2012, giảm 28,6% so với thực hiện năm 2011.

+ Hiệu quả SXKD: Lợi nhuận trước thuế đạt 44,5 tỉ bằng 201,5% kế hoạch năm, kế hoạch năm là 22,12 tỉ, bằng 55,1% năm 2011 (năm 2011 là 83,128 tỉ). Tỷ suất lợi

nhuận sau thuế/vốn CSH đạt 14,1%, hoàn thành 201,6% kế hoạch năm 2012, dự kiến trả cổ tức 10% (1000 đ/CP), bằng 100% kế hoạch năm 2012 và bằng 100% cổ tức năm 2011.

+ Năng suất lao động bình quân toàn công ty đạt 1,761 tỉ, đạt 119,1% kế hoạch năm 2012, bằng 85,3% năm 2011.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Chức vụ	Trình độ		Tỷ lệ cổ phần sở hữu
					Chuyên môn	Chính trị	
1	Tô Văn Hùng	1956	Lô26D-Đường Nguyễn Phong Sắc kéo dài - phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy - Hà Nội	Giám đốc	Đại học	Cao cấp	0.277
2	Trần Đình Hà	1963	Phòng 502 - G1 - Phường Vĩnh Phúc - Quận Ba Đình - Hà Nội.	Phó GD	Đại học	Cao cấp	0.216
3	Nguyễn Văn Thức	1959	Tổ 37 - Phường Láng hạ - Đống đa - Hà Nội.	Phó GD, Kế toán trưởng	Đại học	Cao cấp	0.164
4	Vũ Phương Tây (bổ nhiệm ngày 11/01/2012)	1978	Tập thể Bộ Xây dựng - Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.	Phó GD	Đại học	Cao cấp	0.355
5	Nguyễn Hữu Toàn (bổ nhiệm ngày 27/07/2012)	1967	Số 2 - ngõ 1 Vạn Phúc - Ba Đình - Hà Nội.	Phó GD	Cao đẳng	Sơ cấp	0.022

	11, miễn nhiệm ngày 13/8/201 2)						
6	Đặng Hong Thái (bỏ nhiệm ngày 04/01/20 12, miễn nhiệm ngày 11/4/201 2)	1966	Thanh Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	Phó GD	Thạc sỹ	Trung cấp	0

– Số lượng cán bộ, nhân viên: lao động bình quân 604 người

Công ty luôn thực hiện đúng các quy định của nhà nước về lao động, tiền lương, bảo hiểm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: trong năm 2012, công trình Tòa nhà làm việc Xí nghiệp Công trình 2 đã được thực hiện xong đảm bảo tiến độ, chất lượng góp phần ổn định chỗ làm việc, tạo tâm lý yên tâm công tác cho CBCNV khu vực Miền Trung.

b) Các công ty con:

Tình hình tài chính của Viettel Construction Haiti S.A. năm 2012

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
Tổng tài sản	43.368.147.434
Nợ ngắn hạn	38.740.104.786
Nợ dài hạn	
Vốn chủ sở hữu	4.628.042.648
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.885.002.936
Giá vốn hàng bán	13.702.122.192
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.182.880.744
Doanh thu hoạt động tài chính	197.895.367
Chi phí tài chính	323.510.910
Chi phí bán hàng	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.719.414.301
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.337.850.900
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.337.850.900
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	2.992.326.484

104  
 CÔNG  
 CỐ  
 CÔNG  
 VI  
 ĐÌNH



4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.462.175.895.910	1.043.445.652.145	-29%
Doanh thu thuần	1.415.261.889.740	1.025.296.788.719	-28%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	81.523.699.686	13.199.105.536	-84%
Lợi nhuận khác	(205.481.852)	31.377.582.333	15.370%
Lợi nhuận trước thuế	81.318.217.834	44.576.687.869	-45%
Lợi nhuận sau thuế	65.153.237.759	32.886.505.037	-50%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	37,5%	79,6%	112%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,52	1,68	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,61	0,4	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,75	0,68	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,97	2,13	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	1,62	1,29	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,97	0,98	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,046	0,032	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,18	0,10	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,045	0,032	

5301  
TY  
HÀN  
TRINH  
TEL  
T.P

+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,058	0,013	
---	-------	-------	--

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số cổ 23.800.000 Cổ phần phổ thông, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là 23.800.000 CP và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu là 0 Cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn chiếm 72,06% tỷ lệ sở hữu, Cổ đông nhỏ chiếm 27,94% tỷ lệ sở hữu
- Cổ đông tổ chức có 4 cổ đông, cổ đông cá nhân 1728 cổ đông

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có sự thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có cổ phiếu quỹ, không có giao dịch.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Mặc dù năm 2012 là một năm có nhiều khó khăn nhưng với sự điều hành quyết liệt của BGD Công ty, sự nỗ lực cố gắng của toàn thể CBCNV, năm 2012 công ty đã đạt được những kết quả như sau:

+ Hoàn thành 108,0% kế hoạch chỉ tiêu doanh thu trong đó doanh thu bên ngoài đạt 33,7 tỉ, chiếm tỉ trọng 3,17% tổng doanh thu năm 2012, tăng 32% so với năm 2011.

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 44,5 tỉ bằng 201.5% kế hoạch năm (KH năm là 22,12 tỉ).

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH đạt 14,1%, hoàn thành 201,6% KH năm 2012.

+ Năng suất lao động bình quân toàn công ty đạt 1,761 tỉ, vượt 19,1% KH năm 2012.

#### 2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2012
Tài sản ngắn hạn	976.630.443.126
Tài sản dài hạn	66.815.209.019
Tổng tài sản	1.043.445.652.145
Hệ số tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	93,6%
Hệ số tài sản dài hạn/Tổng tài sản	6,4%
Hệ số tài sản ngắn hạn/Doanh thu thuần	95,3%
Hệ số tài sản ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	293%
Hệ số tài sản dài hạn/Doanh thu thuần	6,5%
Hệ số tài sản dài hạn/Vốn chủ sở hữu	20%

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2012
Nợ ngắn hạn	581.879.652.692
Nợ dài hạn	128.018.014.500
Hệ số nợ ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	55,8%
Hệ số nợ dài hạn/Tổng nguồn vốn	12,3%
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,68

Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,4
---------------------------------	-----

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Nhóm giải pháp về mô hình tổ chức:

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình, cơ cấu tổ chức, bộ máy để tăng cường hiệu quả hoạt động.
- Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định của công ty, tăng cường hiệu quả quản lý, hiệu quả điều hành của đơn vị.
- Xây dựng đội ngũ có tính kế tiếp và hệ thống nhằm đảm bảo nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Thực hiện luân chuyển cán bộ giữa cơ quan và đơn vị nhằm đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ.

- Điều hành SXKD nâng cao năng suất, nâng cao chất lượng công trình xây dựng

- Tìm kiếm công việc phát triển bền vững, mở ra không gian mới trên cơ sở những công việc cũ:

4. Kế hoạch SXKD 2013

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2012	KH 2013	KH2013/ TH2012
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	1.043.445	1.029.258	98,64%
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng			
3	Nợ phải trả Trong đó: - Nợ vay ngắn hạn - Nợ vay dài hạn	Triệu đồng	709.898	691.706 50.000	97,44%
4	Doanh thu	Triệu đồng	1.064.088	1.036.996	97,45%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	32.886	33.443	101,69%
6	Đầu tư	Triệu đồng	9.342	13.935	149,2%
7	Lao động bình quân	Người	604	580	96,0%
8	Năng suất lao động	Tr.đồng/ng/tháng	1.715	1.788	104,3%
9	Thu nhập bình quân	Tr.đồng/ng/tháng	11,42	11,53	101,0%
11	Tỷ suất LNTT/doanh thu	%	4,2%	4,3%	102,4%
11	Tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu	%	14,05%	9,9%	70,46%
12	Tỷ lệ trả cổ tức	%	Dự kiến 10%	8-10%	

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Về vấn đề ý kiến của kiểm toán viên về việc không thể thực hiện kiểm kê đánh giá chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 31/12/2012 và ảnh hưởng của chính sách ghi nhận chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được trình bày trên thuyết minh nên đơn vị kiểm toán chưa thể đánh giá được tính hiện hữu chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cũng như chưa đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến công nợ phải trả có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Về vấn đề này Công ty Cổ phần Công trình Viettel xin giải trình như sau:

Hiện tại, Công ty CP Công trình Viettel có hơn 800 hợp đồng đang triển khai thi công dở dang. Đặc tính của các hợp đồng này là một hợp đồng bao gồm rất nhiều các công trình nhỏ, một công trình lại bao gồm nhiều hạng mục, được thi công dàn trải trên phạm vi cả nước. Ví dụ: Hợp đồng 260711 về việc thi công các trạm BTS năm 2011, số trạm theo hợp đồng gồm: 1.695 trạm 2G, 2.100 trạm 3G, 2.589 trạm Cosite (một trạm là một công trình), một trạm 2G bao gồm các hạng mục: xây dựng móng cột, xây dựng nhà trạm, thi công kéo điện, lắp dựng cột – tiếp địa, lắp đặt thiết bị BTS 2G. Do đặc tính nêu trên nên các hợp đồng thường rất khó khăn trong việc hoàn thành một cách đồng bộ, vì thế thời gian thực hiện hợp đồng bị kéo dài.

Tại thời điểm cuối năm tài chính Công ty CP Công trình Viettel có tổ chức đi kiểm kê các hợp đồng thi công dở dang, tuy nhiên vì các công trình nằm rải rác trên phạm vi cả nước, địa hình thi công khó khăn nên không thể kiểm kê được toàn bộ các công trình đang thi công dở dang, Công ty chỉ tập trung kiểm kê được những hợp đồng lớn.

Theo ước tính của Công ty CP Công trình Viettel phân sản lượng dở dang của Công ty chúng tôi còn rất lớn, số dư chi phí dở dang tại thời điểm 31/12/2012 của Công ty được tập hợp đảm bảo nghiêm túc nguyên tắc chi phí phù hợp với doanh thu, theo cân đối giữa sản lượng dở dang và chi phí dở dang của Công ty ở mức an toàn.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### *1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên Công ty đã hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2012;

Công ty đã thu nộp đầy đủ các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật;

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành.

##### *2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Ban Giám đốc Công ty đã luôn cố gắng, nỗ lực trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và định hướng phát triển của Công ty góp phần hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu mà Kế hoạch 2012 đã đề ra.

##### *3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Hội đồng quản trị hoạt động với mục đích nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông công ty. Do đó HĐQT sẽ bám sát mục tiêu phát triển của công ty đề ra các quyết sách đúng đắn, mang lại hiệu quả cao cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2013 và những năm tiếp theo.

Tiếp tục giám sát, điều hành hoạt động của Ban Giám đốc Công ty, để đảm bảo mọi hoạt động của công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ công ty và sử dụng có hiệu quả đồng vốn của các cổ đông công ty.



## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu	Chức vụ tại công ty khác
Hoàng Công Vĩnh	Chủ tịch HDQT	0.225	Phó TGD Tập đoàn VTQĐ; Chủ tịch HĐQT Công ty CP TVTK Viettel
Đào Thúy Hương	TV HĐQT	0	PP Tài chính Tập đoàn VTQĐ; Trưởng ban KS Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Tô Văn Hùng	TV HĐQT/ Giám đốc	0.277	
Trần Đình Hà	TV HĐQT	0.216	
Nguyễn Văn Thúc	TV HĐQT/ Phó GD/Kế toán trưởng	0.164	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: trong năm 2012, HĐQT không thành lập các tiểu ban thuộc.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm 2012, HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, tổ chức công việc theo phương pháp khoa học mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho công ty và cho các cổ đông. Từng thành viên HĐQT đã phát huy vai trò của mình, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Năm 2012, HĐQT đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, và HĐQT cũng đã tổ chức họp 04 lần và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 05 lần để bàn thảo, thông qua các vấn đề quan trọng của Công ty như: vấn đề nhân sự, thông qua các quyết định chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	02/NQ-CT-HĐQT	04/01/2012	Giao nhiệm vụ cho đ/c Phạm Hồng Thái-PGD Công ty
2	03/NQ-CT-HĐQT	11/01/2012	Giao nhiệm vụ cho đ/c Vũ Phương Tây-PGD Công ty
3	10/NQ-CT-HĐQT	11/4/2012	Thông qua BCTC đã kiểm toán 2011, BC của BKS, thôi giao nhiệm vụ cho đ/c Phạm Hồng Thái-PGD Công ty
4	19/NQ-CT-HĐQT	13/6/2012	Thông qua Kế hoạch SXKD 2012, BC của HĐQT, thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên

VIỆT  
CỘNG HÒA  
CỘNG HÒA  
VIỆT  
NH-T

			2012
5	22/NQ-CT-HĐQT	13/8/2012	Về việc thôi giao nhiệm vụ cho đ/c Nguyễn Hữu Toàn-PGD Công ty
6	25/NQ-CT-HĐQT	29/8/2012	Về việc chi trả cổ tức 2011
7	27/NQ-CT-HĐQT	17/9/2012	Chủ trương đầu tư máy Photocopy
8	19/NQ-CT-HĐQT	22/11/2012	Thông qua BC kết quả SXKD quý III/2012, KH SXKD quý IV/2012
9	30/NQ-CT-HĐQT	28/12/2012	Về nhân sự giữ chức danh Kế toán trưởng và tham gia HĐQT

Tại các phiên họp, các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ. Các phiên họp HĐQT đều có sự tham dự của BKS, Ban Giám đốc và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, các đoàn thể. Các quyết định thông qua tại phiên họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không có

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
Đặng Thị Kim Hoa	Trưởng Ban Kiểm soát	0.034
Trương Thị Thu Hà	TV Ban Kiểm soát	0.034
Nguyễn Bá Nhiên	TV Ban Kiểm soát	0.198

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Năm 2012, BKS đã tổ chức 4 cuộc họp, tham dự 4 cuộc họp của HĐQT. Các quyết định đã được thông qua tại cuộc họp BKS gồm:

- BKS đã thẩm định báo cáo tài chính được kiểm toán của Công ty. Nhất trí với nội dung Báo cáo của HĐQT, BGD.

- Thông qua việc phân công lại nhiệm vụ cho từng thành viên BKS.

- Thông qua việc đề xuất HĐQT lựa chọn công ty AASC là công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

Năm 2012, việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS được thực hiện theo đúng mức đã được ĐHCĐ thông qua, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT: 3 triệu đồng/tháng.

7530  
9TY  
TÂN  
RINH  
EL  
PH

- Thành viên HĐQT: 2 triệu đồng/thành viên/tháng.
  - Trưởng BKS: 2 triệu đồng/tháng.
  - Thành viên BKS: 1 triệu đồng/thành viên/tháng
  - Tổng mức thù lao đã trả cho các thành viên HĐQT và BKS trong năm 2012: 180.000.000 đ (Một trăm tám mươi triệu đồng).
  - Chi phí đi lại: không.
  - Chi phí thuê tư vấn: không.
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: các hoạt động quản trị công ty đều tuân theo quy định của pháp luật.

**VI. Báo cáo tài chính**

*Ý kiến kiểm toán và Báo cáo tài chính được kiểm toán (Đính kèm và đã được đăng tải trên Website: [congrinhviettel.com.vn](http://congrinhviettel.com.vn)).*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
GIÁM ĐỐC**



Đại tá  
*Lê Văn Hùng*

